

SỰ THỐNG NHẤT VỀ MỤC TIÊU VÀ LỢI ÍCH TRONG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN QUA TÁC PHẨM CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Hội đồng Lý luận Trung ương

TS LÊ THỊ SỰ

Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

♦ **Tóm tắt:** Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ cơ bản ở Việt Nam. Bản chất, nội dung của mối quan hệ này thể hiện bản chất của Nhà nước, của chế độ chính trị nước ta. Bài viết làm rõ mối quan hệ thống nhất giữa ba chủ thể trên về mục tiêu và lợi ích trong cuốn sách “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

♦ **Từ khóa:** Đảng; Nhà nước; Nhân dân; Nguyễn Phú Trọng.

Ngày nhận: 22-3-2022

Ngày thẩm định: 12-04-2022

Ngày duyệt đăng: 08-06-2022

Nhân dịp kỷ niệm 131 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, chuẩn bị bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026, ngày 16-5-2021, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (sau đây gọi tắt là đồng chí Tổng Bí thư) công bố bài viết: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Với tên bài viết như trên song ở phần mở đầu bài viết, đồng chí Tổng Bí thư

đã rất khiêm tốn viết: “Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ xin đề cập một số khía cạnh từ góc nhìn thực tiễn của Việt Nam”¹. Nhưng đọc bài viết dễ nhận thấy, đây là một tác phẩm đề cập đến nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với nhiều quan điểm mới với tầm khái quát rất cao, giá trị rất lớn. Trong bài viết này, chúng tôi muốn làm rõ sự thống nhất về mục tiêu và lợi ích trong mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và

nhân dân qua tác phẩm của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng như đã kể trên. Điều này thể hiện qua các nội dung lớn sau:

1. Về bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng

Trong phần đầu của tác phẩm, đồng chí Tổng Bí thư đã nêu vấn đề cơ bản về sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Khi Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới vẫn còn thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam dường như không có gì phải bàn, được mặc định và khẳng định trong các văn kiện đại hội của Đảng. Nhưng với sự kiện ngày 26-12-1991, khi nhà nước Liên Xô chính thức kết thúc sự tồn tại bởi quyết định của Hội đồng tối cao Xô viết sau Hiệp định Belavezha², đánh dấu mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu chính thức tan rã thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội lại được đặt ra và trở thành tâm điểm thu hút mọi sự bàn thảo, thậm chí tranh luận gay gắt với nhiều quan điểm khác nhau, thậm chí là trái chiều, muốn thay đổi mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội. Điều này đã được đồng chí Tổng Bí thư nêu rõ trong bài viết: “Trong hàng ngũ cách mạng cũng có người bi quan, dao động, nghi ngờ tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội, quy kết nguyên nhân tan rã của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó họ cho rằng chúng ta đã chọn sai đường, cần phải đi con đường khác. Có người còn phụ họa với các luận điệu thù địch, công kích, bài bác chủ nghĩa xã hội, ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản. Thậm chí có người còn sám hối về một thời đã tin theo chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường xã hội chủ nghĩa! Thực tế có phải như vậy không? Thực tế có phải hiện nay chủ nghĩa tư bản, kể cả những nước tư bản chủ nghĩa già đời vẫn đang phát

triển tốt đẹp không? Có phải Việt Nam chúng ta đã chọn con đường đi sai không?”³.

Từ phân tích, thừa nhận những thành tựu của xã hội loài người đã đạt được trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản: “Chúng ta thừa nhận rằng, chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sản xuất, phát triển khoa học - công nghệ..., hình thành được không ít các chế độ phúc lợi xã hội tiên bộ hơn so với trước”⁴, nhưng bằng những thực tế sống động, những minh chứng cụ thể, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chỉ rõ “chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó”⁵. Những mâu thuẫn này là nguyên nhân dẫn đến các cuộc khủng hoảng, suy thoái trên nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội lẫn chính trị; của những bất công xã hội cùng tình trạng phân tầng xã hội và gia tăng khoảng cách giàu - nghèo, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc; những tình huống “phát triển xấu” hay “phản phát triển” từ lĩnh vực kinh tế - tài chính lan sang lĩnh vực xã hội, làm bùng nổ các xung đột xã hội, thậm chí là những xung đột chính trị gây bất ổn toàn xã hội; v.v..

Từ đó đồng chí Tổng Bí thư khẳng định: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững,

hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và huỷ hoại môi trường. Và, chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi”⁶. Khẳng định này, một lần nữa thể hiện quyết tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong việc tiếp tục thực hiện con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh - với những giá trị dân chủ, tự do, công bằng, vì sự tiên bộ xã hội cho con người, vì mọi người.

2. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là ở Việt Nam là “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”

Trong bài viết, đồng chí Tổng Bí thư khẳng định: “Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”⁷.

Nội dung trên của đồng chí Tổng Bí thư thể hiện rõ 2 luận điểm:

Một là, trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể

thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân là mục tiêu phấn đấu.

Điểm mới của luận điểm này là khẳng định bản chất của mối quan hệ giữa ba chủ thể chủ yếu, quan trọng nhất trong chế độ chính trị - xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Đây là mối quan hệ lớn, rất quan trọng. Các chủ thể trên có mối quan hệ thống nhất cả về mục tiêu và lợi ích. Mối quan hệ này là một trong 8 mối quan hệ lớn đã được Đảng ta khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), đó là: “quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”⁸.

Hai là, mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ.

Từ Đại hội IX của Đảng (1991), Đảng ta đã chỉ rõ: “Chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thể hiện tư duy, quan niệm của Đảng ta về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Đó là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội”⁹.

Lâu nay các văn kiện Đảng khẳng định: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân

dân làm chủ là nguyên tắc¹⁰ hoặc cơ chế¹¹. Đây là lần đầu tiên đồng chí Tổng Bí thư nêu khái niệm “mô hình chính trị” là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Việc khẳng định “mô hình chính trị” và “cơ chế vận hành tổng quát” là bước phát triển về nhận thức và tư duy có giá trị lý luận to lớn không chỉ đối với Việt Nam, mà còn có giá trị tham khảo cho những nước lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

3. Làm rõ quá trình phát triển nhận thức về các chủ thể: Đảng, Nhà nước và Nhân dân và sự thống nhất giữa chúng

Về chủ thể nhân dân: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) khẳng định: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”¹². Tiếp đó, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Văn kiện Đại hội XII và XIII của Đảng xác định cần phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn, trong đó có mối quan hệ giữa *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*. Trong bài viết của mình, đồng chí Tổng Bí thư cũng khẳng định: “Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là

người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội”¹³.

Như vậy, trong các cương lĩnh, văn kiện của Đảng và bài viết của đồng chí Tổng Bí thư đều khẳng định và làm rõ bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; làm rõ chủ thể quyền lực và mục tiêu hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị Việt Nam là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Về chủ thể Nhà nước: Đồng chí Tổng Bí thư chỉ rõ: “Chúng ta nhận thức rằng, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bản chất khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, chúng ta xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam; không ngừng thúc đẩy sự bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo”¹⁴.

Nhận thức này cho phép chúng ta nhìn nhận rõ bản chất của hai chế độ, hai nhà nước: chế độ, nhà nước tư bản chủ nghĩa và chế độ, nhà nước xã hội chủ nghĩa. Sự phân biệt dựa trên tiêu chí: chế độ, nhà nước đó phục vụ cho giai cấp, tầng lớp nào, cho số đông hay số ít. Hơn nữa, trong chế độ, nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo

đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng chính là đại đoàn kết toàn dân tộc.

Về chủ thể Đảng: Trong bài viết, đồng chí Tổng Bí thư cũng chỉ rõ, cần nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, do vậy, chúng ta cần “*đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa*”¹⁵. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Vị thế, vai trò cầm quyền, lãnh đạo toàn dân tộc của Đảng là một tất yếu lịch sử, khách quan được toàn dân thừa nhận. Việc thừa nhận Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong lãnh đạo của cả dân tộc chính là sự khẳng định Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Đồng chí Tổng Bí thư khẳng định: “Nói như vậy không có nghĩa là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, mà là thể hiện sự nhận thức bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, vì giai cấp công nhân là giai cấp có lợi ích thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Đảng ta kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ. Ý thức được nguy cơ đối với đảng cầm quyền là tham

những, quan liêu, thoái hóa..., nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hóa... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị”¹⁶.

4. Khẳng định cần tăng cường phát huy vai trò của các chủ thể Đảng, Nhà nước và Nhân dân

Trong bài viết, đồng chí Tổng Bí thư đã khẳng định những “thay đổi ngoạn mục” sau 35 năm đổi mới: “Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện. Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, *phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế*. Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta”¹⁷.

Đây là một trong những nhận định tổng quát đánh giá các thành tựu mà Việt Nam đã đạt được kể từ khi đổi mới, thể hiện bản chất, tính hướng đích của chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã lựa chọn và đang xây dựng. Điều này là nhận định tiếp nối các kỳ đại hội của Đảng, mà mới đây nhất Đại hội lần thứ XIII của Đảng cũng khẳng định: “*Qua 35 năm tiến hành công*

cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”¹⁸.

Tuy nhiên, đồng chí Tổng Bí thư cũng chỉ rõ: “Bên cạnh những thành tựu, mặt tích cực là cơ bản, chúng ta cũng còn không ít khuyết điểm, hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức mới trong quá trình phát triển đất nước”. Đó là các thách thức từ cả lĩnh vực kinh tế (như: chất lượng tăng trưởng, cạnh tranh còn thấp, thiếu bền vững; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ;...), đến lĩnh vực xã hội (như: khoảng cách giàu nghèo gia tăng, chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ công khác còn hạn chế; văn hóa, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp;...). Những thách thức, hạn chế này cần được tiếp tục khắc phục một cách tổng thể, toàn diện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tóm lại, qua bài viết của mình, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định: “Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội. Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng

hộ và tham gia tích cực của nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển”²⁰ □

1, 3, 4, 5, 6, 7, 13, 14, 15, 16, 17, 19, 20 Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. CTQGST, H., 2022, tr.17; 18; 18-19; 19; 21-22; 28; 28-29; 29; 29; 29-30; 33; 34; 36-37.

² Hiệp định Belavezha được ký ngày 08-12-1991 bởi Tổng thống Nga Boris Nikolayevich Yeltsin, Tổng thống Ukraina Leonid Makarovich Kravchuk và Chủ tịch Quốc hội Belarus Stanislav Shushkevich về việc giải thể Liên Xô và thành lập SNG (Cộng đồng các quốc gia độc lập)

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. CTQG, H., 2011, tr.72-73 (tác giả in nghiêng).

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 60, Nxb. CTQGST, H., 2016, tr.182.

¹⁰ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQGST, H., 2005, tập 39, tr.111; Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQGST, H., 2015, tập 58, tr.113.

¹¹ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQGST, H., 2006, tập 46, tr.2, 34; Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQGST, H., 2007, tập 50, tr.201, 232, 341, 393, 444, 495, 519; Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQGST, H., 2015, tập 57, tr.39, 598; Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQGST, H., 2015, tập 58, tr.355; v.v..

¹² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb. CTQG, H., 2005, tr.327.

¹⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQGST, H., 2021, tập 1, tr.25.